TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN BÌNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2025/DS-ST
Ngày: 16 - 5 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Hải

2. Ông Nguyễn Văn Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 02 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Liên Tân T, sinh năm: 1994

Địa chỉ: 1 đường N, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Yến T1; trú tại: A L đường B, Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền, số công chứng: 00000777 lập tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 25 tháng 01 năm 2024) có mặt.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị T2, sinh năm: 1978

Địa chỉ: E Đ, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đoàn Á, sinh năm: 1971

Địa chỉ: E Đ, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Bà Huỳnh Ngọc T3, sinh năm: 1996

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 36 Đường A - B, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi ở hiện tại: 128/6 đường N, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 01 năm 2024 của nguyên đơn ông Liên Tân T và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị Yến T1 là người đại diện của nguyên đơn trình bày:* Ngày 15-12-2023, ông Liên Tân T và bà Huỳnh Thị T2 có ký Hợp đồng vay tiền, số công chứng: 00012760 tại Văn phòng C. Theo đó, ông T cho bà T2 vay số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ) đồng, thời hạn vay là 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng vay, lãi suất thỏa thuận 0,75%/tháng. Khi đến hạn trả nợ bà T2 luôn tìm mọi cách hứa hẹn, nhưng đến nay bà T2 vẫn không trả nợ. Do bà T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị T2 phải trả cho ông Liên Tân T 2.000.000.000đ (Hai tỷ) đồng.

** Tại bản tự khai ngày 25/3/2024, bị đơn bà Huỳnh Thị T2 trình bày:* Vào ngày 15/12/2023, bà Huỳnh Thị T2 có vay của ông Liên Tân T số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 500.000 đồng/01 ngày. Theo bà T2 thì trước khi vay tiền ông T có nói bà T2 phải ra Văn phòng công chứng tại Quận H để ký hồ sơ vay 2.000.000.000 đồng nhưng bà T2 không đồng ý, ông T có nói *"văn bản này ký cho có chứ không có hiệu lực gì về thực tế cả, chứ em đâu có đưa cho chị 2 tỷ, đâu có bằng chứng gì"*, rồi sau đó ông T có nói *"chị yên tâm, em sẽ làm cho chị một tờ giấy cam kết viết tay là em chỉ cho chị mượn 50 triệu đồng thôi, chứ không phải vay 2 tỷ như hợp đồng đã công chứng"*. Bà T2 không được biết và đọc nội dung trong văn bản công chứng và không được giữ hợp đồng vay. Hồ sơ này đã được ông T và Văn phòng công chứng đã thảo trước đó khi bà T2 tới, khi bà T2 nhận tiền thì ông T đã lấy 7.000.000 đồng tiền phí và lãi, chỉ đưa cho bà T2 số tiền 43.000.000 đồng. Khi ra về ông T nói là ngày hôm sau (16/12/2023) cho bà T2 mượn thêm 50.000.000 đồng, khi đưa tiền lần hai ông T đã rút lại 8.000.000 đồng cho 03 ngày tiền lãi. Tổng cộng 02 lần mượn với số tiền 100.000.000 đồng và mỗi ngày phải đóng 1.000.000 đồng tiền lãi. Bà T2 đã đóng tiền lãi được một thời gian thì công việc làm ăn khó khăn nên không còn khả năng đóng lãi tiếp mỗi ngày, bà T2 có nhắn cho ông T xin khất nợ đến hết tháng giêng sẽ đóng lãi tiếp nhưng ông T không đồng ý mà còn đến nhà đập cửa, kêu la, gọi điện hù dọa gây áp lực, khủng bố tinh thần gia đình bà T2, sau này bà T2 được biết có rất nhiều người giống như hoàn cảnh như bà T2 cũng mượn 50.000.000 đồng và ông T đều bắt đi công chứng vay 2.000.000.000 đồng. Việc ông T khởi kiện bà T2 ra tòa thì phải chứng minh sao kê tài khoản và bằng chứng đã giao cho bà T2 số tiền 2.000.000.000 đồng. Bà T2 xác nhận chỉ vay 100.000.000 đồng của ông T4 và bà T2 đã đóng tiền lãi trên số tiền 100.000.000 đồng.

** Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Ngọc T3 trình bày:* Bà Huỳnh Ngọc T3 có biết ông Liên Tân T (chồng bà T3) có cho bà Huỳnh Thị T2 vay số tiền 2.000.000.000 đồng. Bà T3 xác nhận số tiền ông T cho bà T2 vay là tài sản riêng của ông T, không phải là tài sản chung của hai vợ chồng và đề nghị Tòa án xem xét không đưa bà T3 vào tham gia tố tụng trong vụ án tranh chấp giữa ông Liên Tân T và bà Huỳnh Thị T2.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Á đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tự khai để trình bày ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và hai lần xét xử nhưng ông Á đều vắng mặt nên không có lời khai và ý kiến tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên

tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý vụ án đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông Liên Tân T là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Huỳnh Thị T2 phải trả cho ông Liên Tân T số tiền nợ gốc 2.000.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Liên Tân T khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị T2 trả tiền nợ gốc theo hợp đồng vay tiền đã ký kết. Do đó, quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ E Đ, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Bà Huỳnh Thị T2 là bị đơn và ông Đoàn Á là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án (không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập), đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Huỳnh Thị T2 và ông Đoàn Á .

Bà Huỳnh Ngọc T3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Huỳnh Ngọc T3.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh nơi cư trú của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01-8-2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phải tham gia phiên tòa theo quy định.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa ông Liên Tân T (Bên cho vay – Bên A) và bà Huỳnh Thị T2 (Bên vay – Bên B) có ký Hợp đồng vay tiền, số công chứng 00012760 ngày 15-12-2023 tại Văn phòng C. Theo đó, ông T cho bà T2 vay số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng

vay. Theo ông T đến hạn trả nợ nhưng bà T2 không thực hiện nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T2 trả cho ông số tiền nợ gốc 2.000.000.000 đồng. Còn phía bị đơn bà Huỳnh Thị T2 cho rằng bà có ký vào Hợp đồng vay tiền ngày 15-12-2023 tại Văn phòng C, nhưng thực tế bà chỉ vay ông Liên Tân T tổng cộng số tiền 100.000.000 đồng, không phải số tiền 2.000.000.000 đồng như ông T trình bày, nội dung hợp đồng do ông T và Văn phòng C tự soạn thảo, yêu cầu bà T2 phải ký công chứng, bà T2 không được biết và không đọc nội dung trong văn bản công chứng, nhưng bà T2 không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh mình bị lừa dối, bị đe dọa, cưỡng ép trái ý muốn. Tại thời điểm bà T2 ký giấy vay tiền, bà T2 là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, phải biết rõ và chịu trách nhiệm pháp lý đối với chữ ký và chữ viết của mình trong giấy vay tiền. Do đó, Hợp đồng vay tiền được Văn phòng C chứng nhận ngày 15-12-2023 cần xác định đây là những tình tiết, sự kiện đã được ghi trong văn bản và được công chứng, chứng thực hợp pháp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Bà T2 cho rằng ông T không cung cấp được chứng cứ là giấy giao nhận tiền vay có chữ ký của bà T2 để chứng minh bà đã nhận số tiền 2.000.000.000 đồng từ ông T nên không có cơ sở xác định bà có vay số tiền trên, thấy rằng: Tại mục Bên B trang 1 Hợp đồng vay tiền ngày 15-12-2023 có nội dung *"tôi đã nhận đủ của em tiến là 2 tỷ Hai tỷ"*, như vậy việc bà T2 cho rằng chưa nhận số tiền 2.000.000.000 đồng từ ông T là không đúng với tình tiết khách quan của vụ án, mâu thuẫn với chứng cứ là hợp đồng vay tiền do chính bà T2 tự viết và thừa nhận.

[2.3] Bên cạnh đó, xét thấy có mâu thuẫn trong lời khai của các đương sự về khoản tiền vay nêu trên, việc đối chất là cần thiết cho việc giải quyết vụ án nên Tòa án đã thông báo đến các đương sự về việc sẽ tiến hành đối chất vào ngày 06/9/2024, nhưng phía bà T2 vắng mặt không tham gia đối chất, điều này thể hiện bà T2 đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh cho sự phản đối của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, nên bị đơn phải gánh chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được theo quy định của pháp luật.

[2.4] Từ những căn cứ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử khẳng định việc bà Huỳnh Thị T2 đã vay của ông Liên Tân T số tiền 2.000.000.000 đồng là có thật và khi đến hạn trả vào ngày 30/12/2023 nhưng bà T2 không thực hiện, đã vi phạm thỏa thuận giữa các bên quy định tại Điều 2 Hợp đồng đồng vay tiền ngày 15-12-2023. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu bà T2 trả 2.000.000.000đ (Hai tỷ) đồng tiền vốn vay là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 278; Điều 280; khoản 1 Điều 351; Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[3] Xét thấy Hợp đồng đồng vay tiền ngày 15-12-2023 các bên có thỏa thuận lãi suất cho vay 0,75%/tháng, nhưng phía nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với quyền tự định đoạt của đương sự được quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 2.000.000.000 đồng được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 72.000.000đ (Bảy mươi hai triệu) đồng.

Hoàn trả cho ông Liên Tân T số tiền 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0001252 ngày 19 tháng 02 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh lập.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 2 Điều 21; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, khoản 4 Điều 91; điểm c khoản 1 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 278; Điều 280; khoản 1 Điều 351; Điều 357; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Liên Tân T.

Buộc bà Huỳnh Thị T2 phải trả cho ông Liên Tân T khoản tiền nợ gốc 2.000.000.000đ (Hai tỷ) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Huỳnh Thị T2 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 72.000.000đ (Bảy mươi hai triệu) đồng.

2.2. Hoàn trả cho ông Liên Tân T số tiền 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0001252 ngày 19 tháng 02 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh lập.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Chính